

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2018/DS - ST
Ngày 19 - 6 - 2018
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Hành**

Ông **Bùi Hữu Khánh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đệ** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1977 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp CRA, xã PH, huyện CN, Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Trần Huynh Đ** – sinh năm 1986 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp LÁ, xã HM, huyện CN, Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Nguyễn Thị N** – sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp CRA, xã PH, huyện CN, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T trình bày: Vào năm 2015 anh có cho anh Trần Huynh Đ mượn số tiền là 18.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k, khi cho mượn hai bên có thỏa thuận đến tháng 10 năm 2017 anh Đ sẽ trả lại đủ số tiền và vàng đã mượn của anh. Từ khi mượn cho đến tháng 10 năm 2017 anh Đ có trả cho anh được nhiều lần với số tiền là 12.600.000 đồng còn lại 5.400.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k thì anh Đ không trả cho anh nữa. Nay

anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước buộc anh Trần Huỳnh Đ phải trả cho anh số tiền là 5.400.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k.

Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Trần Huỳnh Đ trình bày: Anh thừa nhận có mượn vàng và tiền như anh T trình bày. Nhưng lý do anh không trả đủ số tiền và vàng còn lại cho anh T là vì trước đây anh và vợ của anh là chị Nguyễn Thị N cùng hỏi mượn số tiền và vàng của anh T để sử dụng vào việc làm ăn nhưng bị thua lỗ. Từ khi anh và chị N ly thân với nhau thì anh đã trả được cho anh T số tiền là 12.600.000 đồng. Do đó anh không đồng ý tiếp tục trả số tiền và vàng còn thiếu cho anh T, anh yêu cầu giải quyết việc ly hôn với chị N để xác định các khoản nợ chung và riêng của mỗi người anh mới tiếp tục trả nợ cho anh T.

Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị N thống nhất đây là số nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên ở địa phương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Đ thì chính anh Đ đã viết giấy thỏa thuận vào ngày 28 tháng 12 năm 2016 và tờ cam kết do anh Đ tự viết có anh Trịnh Văn Kh là Công an viên ấp LẤ, xã HM ký tên xác nhận. Nội dung tờ thỏa thuận ly hôn và tờ cam kết là anh Đ nhận hết tài sản chung của vợ chồng và nhận trả hết nợ, chị ra đi không mang theo bất cứ tài sản nào của vợ chồng. Nay trước yêu cầu của anh Đ chị không đồng ý vì anh Đ đã lấy hết tài sản chung của vợ chồng vào năm 2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp đòi lại tài sản. Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể là tranh chấp “*Đòi lại tài sản*” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự có địa chỉ cư trú tại huyện CN, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án như sau: Giao dịch mượn tiền và vàng giữa các đương sự vào năm 2015 là có xảy ra trên thực tế và được các đương sự thống nhất thừa nhận tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nguyên nhân anh Trần Huỳnh Đ không thống nhất trả số tiền, vàng còn lại cho anh Nguyễn Văn T là 5.400.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ và chị N đều thừa nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời gian còn chung sống với nhau. Nhưng theo chị N trình bày anh chị đã ly hôn với nhau vào năm 2016 và anh Đ đã thỏa thuận lấy hết tài sản và nhận hết các khoản nợ nên chị không thống nhất chia đôi để trả nợ cho anh T. Ngược lại anh Đ cho rằng hiện tại vợ chồng chưa ly hôn nên anh không đồng ý

trả nợ cho anh T mà chờ đến khi nào ly hôn và Tòa án xác định ai trả nợ thì anh mới đồng ý trả nợ cho anh T. Hội đồng xét xử xét thấy tại hồ sơ thể hiện có tờ thỏa thuận ly hôn và tờ cam kết đều thể hiện anh Đ nhận hết tài sản chung của vợ chồng và nhận trả hết các khoản nợ cho các chủ nợ trong đó có khoản nợ của anh T. Điều này được anh Đ thừa nhận tại phiên tòa. Tuy nhiên anh Đ cho rằng anh đã làm ăn thua lỗ nên anh yêu cầu chị N cùng trả nợ với anh. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Đ về việc yêu cầu chị N cùng trả nợ cho anh T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ anh đã nhận hết tài sản chung của vợ chồng và nhận trả các khoản nợ theo thỏa thuận và việc anh thất bại trong cuộc sống sau khi nhận hết toàn bộ tài sản chung của vợ chồng vào năm 2016 là lỗi của anh chứ không phải lỗi của chị N.

Từ những cơ sở như đã phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Nguyễn Văn T đối với anh Trần Huỳnh Đ là có cơ sở chấp nhận.

Do chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T đối với anh Trần Huỳnh Đ. Nên anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Giá vàng được áp dụng để tính án phí là 3.600.000 đồng/chỉ. Do Hội kim hoàn Cà Mau công bố vào lúc 09 giờ ngày 19 tháng 6 năm 2018. Như vậy anh Trần Huỳnh Đ phải chi án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $(5.400.000 \text{ đồng} + 18.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 1.170.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các điều 26, 35, 39, 85, 147, 157, 158, 227, 232, 266, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 166, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Văn T đối với anh Trần Huỳnh Đ. Buộc anh Trần Huỳnh Đ phải trả cho anh T số tiền là 5.400.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Đối với số tiền kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đ không thi hàng xong thì anh Đ còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Buộc anh Trần Huỳnh Đ phải nộp 1.170.000 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T được nhận lại 585.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004099 ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết